TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 20/2024/QĐST-HNGĐ	*N, ngày 02 tháng 4 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 294/2023/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2023, giữa:

- Nguyên đơn: Bà D, sinh năm 1958; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn 10, xã M, huyện N, thành phố Hải Phòng; chỗ ở hiện nay: Thôn 7, xã Q, huyện N, thành phố Hải Phòng.

- Bị đơn: Ông K, sinh năm 1958; nơi cư trú: Thôn 10, xã M, huyện N, thành phố Hải Phòng.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị L, sinh năm 1990; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn 10, xã M, huyện N, thành phố Hải Phòng; chỗ ở hiện nay: Thôn 7, xã Q, huyện N, thành phố Hải Phòng.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 25 tháng 3 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 25 tháng 3 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà D và ông K.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà D và ông K thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Bà D và ông K thống nhất vợ chồng có 02 con chung tên Trần Việt Đức sinh năm 1980 và Trần Văn Vĩ sinh năm 1990. Hiện nay anh Trần Việt Đức đã thành niên và có khả năng lao động, anh Trần Văn Vĩ đã chết nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về tài sản chung: Bà D và ông K thống nhất vợ chồng có tài sản chung nhưng để hai bên tự thoả thuận phân chia. Nếu không tự thoả thuận phân chia được thì sẽ yêu cầu Toà án giải quyết sau.

- Về án phí: Bà D nhận nộp 75.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và ông K nhận nộp 75.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Bà D và ông K là người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp án phí sơ thẩm nên bà D được miễn nộp 75.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, ông K được miễn nộp 75.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- UBND xã M, huyện N, thành phố Hải Phòng
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thu Hiền